**TẬP 6**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 6 - 길거리 음식 Ẩm thực đường phố 2**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| Ba bạn đuổi theo Huy chán chê, rồi dừng lại, quyết định ra ngoài ăn.  Hà: 흠, 됐어. 나가서 진짜 탕후루를 먹자. Hừm, được rồi. Chúng mình ra ngoài ăn tanghooloo đi.  Miki móc móc túi, kiểm tra tiền lẻ: 그래, 나는 돈이 있어. 가자. Được, tớ có tiền. Đi thôi!  Huy (nói điệu theo bài hát malatanghooloo- 농담) 미키 씨, 탕후루 사주세요~ Miki à, cậu mua kẹo hồ lô trái cây cho tớ nhé.  Miki cười phá lên : 그럼 선배라고 해. Thế thì cậu hãy gọi tớ là “sunbae” đi!  Huy (tiếp tục đùa-농담): 그럼 제가 선배 맘에 탕탕 후루후루. (lời bài hát)  Hà và Miki cười và hát theo 탕탕 후루후루 (lời bài hát)  Hayun lườm nhẹ, nói rồi đi trước : 가자, 가자. Đi thôi, đi thôi!  Huy chạy với theo: 화났어?  Hayun: 아니~  Đoạn này Huy đi cạnh kiểu dỗ Hayun, Hà và Miki ríu rít với nhau, rồi đến chỗ bán kẹo hồ lô trái cây  Bốn bạn cầm tanghooloo ăn:냠냠,, 잘 먹었다. Nhăm nhăm, ăn ngon quá.  Hayun nhìn ngó các quán xung quanh(hiện các xe đồ ăn khác): 길거리 음식이 더 맛있는 것 같아. Món ăn đường phố có vẻ như ngon hơn ấy nhỉ.  Miki: 베트남 길거리 음식도 그립네. Mình nhớ món ăn đường phố ở Việt Nam quá.  Hà: 그치, 완전 공감! Đúng vậy, mình hoàn toàn hiểu cảm giác này.  Huy: 한국의 길거리 음식과 베트남 길거리 음식은 뭐가 달라? Ẩm thực đường phố Hàn Quốc và ẩm thực đường phố Việt Nam thì có gì khác nhau nhỉ?  Hayun: 베트남에서는 일반 음식도 길거리에서 먹는 경우가 많아. Ở Việt Nam, những món ăn bình thường cũng ăn theo kiểu đường phố nhiều mà. 퍼, 분짜, 분까, 바잉쎄오도 길거리에서 먹을 수 있어. Món phở, bún chả, bún cá, bánh xèo đều có thể ăn được ở trên đường phố.  Miki: 한국의 길거리 음식은 서서 먹지만, 베트남 길거리 음식은 의자에 앉아서 먹을 수 있어. Món ăn đường phố ở Hàn Quốc thì đứng ăn nhưng món ăn đường phố ở Việt Nam thì có thể ngồi ăn.  Hà thở dài: 나는 한국의 길거리 음식을 좋아하지만 항상 서서 먹어야 하기 때문에 다리가 저리고 아파. Mình thích ăn món ăn đường phố Hàn Quốc nhưng vì luôn phải đứng để ăn nên chân vừa mỏi, vừa đau.  Các bạn nữ đồng tình gật gù.  Huy: 근데 베트남 길거리 음식 중에도 한국의 포장마차처럼 서서 먹는 길거리 음식이 있어. Nhưng mà, trong số những món ăn đường phố ở Việt Nam thì cũng có món ăn đứng như kiểu xe bán đồ ăn lưu động ở Hàn Quốc đấy.  Hayun: 뭐가 있어? Món gì nhỉ?  Huy nói rồi giơ ảnh Hayun cầm xiên đồ chiên: 하은이가 좋아하는 음식! 이거야!!! Món mà Hayun thích! Đây này! *(hiện ảnh chả cá viên xiên Việt Nam)*  Miki: 아, 어묵 튀김이야? À, chả cá viên chiên xiên.  Hayun: 응, 먹고 싶은 어묵꼬치를 고르면, 바로 튀겨주는 어묵 튀김. Ừ, món chả cá viên chiên xiên thì mình chọn món mình thích rồi họ chiên ngay tại chỗ.  Hà: 응. 어묵은 튀겨서 먹어도 맛있어. Ừm. Chả cá chiên rồi ăn cũng ngon đấy.  Miki: 나는 어묵 튀김을 거의 안 먹어서 맛을 잘 몰라.. 맛은 어때? Mình không hay ăn chả cá viên xiên. Thế vị của nó thế nào?  Hà: 냠냠냠. 음 어묵을 튀겨 먹어서 더 고소해. Nhăm nhăm. Ừm, cá được chiên lên rồi ăn, nên vị thơm ngon hơn ấy.  Miki: 튀긴 어묵보다 국물이 있는 어묵을 더 좋아해. Mình thích chả cá omuk mà có nước hơn.  Hà: 냠냠냠. 음 국물이 시원해서 좋지. Nhăm nhăm. Ừm, nước canh ngon uống đã thật.  Huy: 베트남과 한국 길거리 음식 중에 또 비슷한 음식이 있어? Còn món ăn đường phố nào của hai nước mà giống nhau nữa không nhỉ?  Hayun: 팥빙수와 “Che”도 있어. 베트남의 쩨는 한국의 팥빙수처럼 얼음에 여러 가지 재료를 넣어 먹는 길거리 음식이야. Có món chè và món Patbingsu(đậu đỏ đá bào) nữa đấy. Món chè Việt Nam giống như giống món Pat bing soo của Hàn Quốc, có nhiều nguyên liệu cho vào ăn kèm với đá bào hoặc đá viên.  Miki: 응,응, “Che”가 좋아. 검은콩, 녹두, 팥 여러 가지 재료를 넣어서 다양한 맛으로 만들어 먹을 수 있어. Ừ, ừ, mình thích chè. Đỗ đen, đỗ xanh, đậu đỏ…nhiều nguyên liệu được cho vào rồi làm nên món chè để ăn.  Hà: 팥을 넣으면 팥빙수처럼 달콤한 맛으로 만들 수 있어. Nếu cho đậu đỏ vào thì sẽ làm được món có vị ngọt như Patbingsu của Hàn Quốc đấy.  Huy gật gù: 그렇네. Đúng vậy nhỉ.  Miki: 아, 상큼한 과일 주스도 있네. À, món nước ép cũng giống nhau nữa.  Hayun: 하지만 과일 종류가 조금 달라. Nhưng mà các loại hoa quả thì hơi khác nhau một chút.  Hayun: 갑자기 ‘Nuoc mia’가 생각나. ‘Nuoc mia’가 있으면 좋겠다. Tự nhiên, mình nghĩ đến món nước mía. Giờ mà có nước mía uống thì thích nhỉ?  Miki: 사탕수수를 짜서 만들 수 있어. Mình có thể làm được bằng cách ép cây mía.  Hà: 사탕수수를 어디에서 수 있을까? Ở đâu bán mía nhỉ?  Huy tìm kiếm trên điện thoại rồi reo lên: 아, 한국에서도 사탕수수수가 있어. Ah, ở Hàn Quốc cũng có nước mía này.  Hayun, Miki, Hà: 진짜? Thật á?  Huy: 사탕수수를 먹으러 갈래? Các cậu muốn đi uống nước mía không?  Hayun, Hà: 좋아! Được!!!  Đến hàng nước mía, các bạn chờ nước mía, Miki nhận đồ trước cầm uống : 아, 사탕수수수~~ 둘이 먹다가 하나가 죽어도 모를 맛이야! Ah nước mía~ Ôiiiii, đúng cái vị ngon bất chấp. Này mà hai người đang ăn thì một người chết thì cũng chả để ý đâu.  Huy đang định uống thì nhè ra: 죽어?? 왜? 왜 죽어? 맛이 없어? Hả? Sao? Sao lại chết? Không ngon à?  Hà và Hayun cười, Hayun giải thích : ㅎㅎ ‘둘이 먹다가 하나가 죽어도 모른다’ 이 말의 뜻은 ‘꿀맛이다’처럼 아주 맛있다는 의미야. Hihi, “cả 2 đang ăn một người chết cũng không biết” câu này có nghĩa là đồ ăn rất ngon giống kiểu biểu hiện “꿀맛” ấy. Ý muốn nhấn mạnh độ ngon của món ăn đó mà.  Huy: 그런데 ‘죽어?’ 좀 무서운데 Nhưng mà dùng từ “chết” thì cũng hơi sợ đấy.  Hà: 안 죽어 ㅋㅋ Không chết được đâu, haha.  Huy vừa nói vừa uống một hơi hết cốc : 알았어, 진짜 맛있네. 사장님, 하나 더 주세요! Tớ biết rồi, đúng là ngon thật. Cho cháu thêm một cốc nữa ạ.  Các bạn vui vẻ uống nước mía, kết. |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| Hayun: 안녕하세요, 하윤입니다. 저는 떡볶이를 정말 좋아합니다. 그래서 밀떡이나 쌀떡을 가리지 않고 다 잘 먹습니다. 하지만 굳이 따지면 쌀덕을 더 좋아합니다. Chào các bạn, mình là Hayun. Mình rất thích tteokbokki. Vậy nên mình thường không kén chọn tteok bột mì hay tteok bột gạo, mà cứ ăn hết. Nhưng nếu phải lựa chọn thì mình thích tteok bột gạo hơn.  Miki: 안녕하세요, 미키라고 합니다. 저는 무조건 밀떡볶이입니다. Xin chào các bạn, mình là Miki. Mình chắc chắn sẽ chọn tteok bột mì.  Hayun: 근데, 먹고 남았던 밀떡은 다시 데워도 맛이 나지 않아요. 먹고 남았던 쌀떡은 다시 데워도 처음의 맛 그대로예요. Nhưng mà, nếu ăn tteok bột mì xong còn thừa thì cho dù có hâm nóng lại thì cũng sẽ không còn đúng vị tteok nữa. Còn tteok bột gạo mà ăn không hết thì có thể hâm nóng lại cũng sẽ vẫn ngon như ban đầu.  Miki: 그럴리가요. 밀떡은 너무 맛있어서 한번 먹으면 남길 수가 없는데요. Làm gì có chuyện đó. Là Tteok bột mì ngon quá nên ăn một lần sẽ hết luôn chứ không có chuyện để thừa đâu.  Hayun: 집에서 혼자가 먹으면 남아요. Nếu ăn một mình ở nhà thì sẽ thừa đó.  Miki: 저는 음식을 남기지 않아요. 게다가 밀떡은 양념 소스가 떡에 잘 배어 있어서 엄청 맛있어요. 쌀떡은 밀떡 만큼 양념 소스가 잘 배지 않아요. Tớ không để thừa đồ ăn đâu. Hơn nữa, tteok bột mì còn ngấm nước xốt nên rất là ngon. Tteok bột gạo thì nước xốt không ngấm kỹ như là tteok bột mì đâu.  Hayun: 양념 소스가 밀떡을 살려줬네요. 쌀떡은 쫀득쫀득해서 고소한 맛이 있잖아요. 양념 소스가 배지 않아도 매콤하고 맛있어요. Vậy thì là nhờ nước xốt mà tteok bột mì mới ngon đấy. Tteok bột gạo có vị vừa dai vừa bùi. Ngay cả khi nước xốt không ngấm thì vẫn cay cay và rất ngon.  Miki: 흠, 밀떡은 말랑말랑하면서 쫄깃쫄깃해요. 오래 끓여도 퍼지지 않아요. 우리가 포장마차에서 먹는 떡볶이는 대부분 밀떡이에요. Hừm, tteok bột mì vừa có độ mềm dẻo lại vừa dai. Rồi nếu đun lâu cũng không hề bị nở ra. Tteokbokki mà chúng mình ăn ở xe đồ ăn lưu động đều là tteok bột mì đó.  Hayun: 쌀떡은 조리한 후에 바로 먹으면 되잖아요. 즉석떡볶이는 쌀떡으로 만들면 맛있잖아요. Có thể ăn tteok bột gạo ngay sau khi nấu là được mà. Món tteokbokki mà nấu ăn liền ấy nếu được làm từ tteok bột gạo thì ngon lắm.  Miki: 쌀떡볶이를 좋아한다고 하는데 왜 포장마차에서 우리와 같이 밀떡볶이를 먹었어요? Nhưng sao cậu nói là thích tteokbokki bột gạo mà lại ăn tteokbokki bột mì cùng bọn mình ở xe đồ ăn lưu động thế?  Hayun: 사실 저는 밀떡이 있으면 밀떡을 먹고 쌀떡이 있으면 쌀떡을 먹어요. 밀떡파나 쌀떡파가 아니고 그냥 떡볶이파입니다. 미키 씨, 떡볶이를 먹으러 갈래요? Thật ra… nếu có tteok bột mì thì ăn tteok bột mì, mà có tteok bột gạo thì ăn tteok bột gạo thôi. Tớ không phải phe tteok bột mì hay tteok bột gạo gì cả, mà là phe tteokbokki thôi. Miki à, chúng ta đi ăn tteokbokki nhé?.  Miki: 네, 갈래요. ㅎㅎ 여려분 ~떡볶이를 가리지 말고 그냥… 맛있게 다 드셔보세요~ Vâng, mình muốn đi. Hihi, các bạn ơi, đừng kén chọn tteokbokki mà cứ… ăn tất cả thật ngon nhé!!! |